

Bản án số: 04/2018/DS-ST  
Ngày: 22-01-2018  
V/v “Tranh chấp dân sự về hợp  
đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GD, TỈNH TN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vui

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Thản

2. Bà Nguyễn Thị Thiều

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 242/2017/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2017/QĐST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Đỗ Trung T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn An T, xã AM, huyện BL, tỉnh HN.

Tạm trú: Số 317, tổ 5, ấp SC A, xã PD, huyện GD, tỉnh TN.

***- Bị đơn:***

1. Anh Võ Phú Q, sinh năm: 1982

2. Chị Phạm Thị M (Tòa không triệu tập)

Cùng địa chỉ: Tổ 10, ấp PD A, xã PD, huyện GD, tỉnh TN.

Anh T có mặt, anh Q vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 09-10-2017 và quá trình xét xử tại tòa nguyên đơn anh Đỗ Trung T trình bày:*

Anh Võ Phú Q bắt đầu mua sắt tại cửa hàng gỗ Hà Phát do anh làm chủ từ tháng 8-2016. Khi bắt đầu mua bán, hai bên thỏa thuận 01 tuần sau khi nhận hàng sẽ trả tiền, nhưng từ tháng 9/2016 anh Q không trả đúng như đã cam kết. Hiện anh Q còn nợ lại 06 hóa đơn mua bán cụ thể:

- Ngày 17/9/2016, nợ số tiền 2.164.000 đồng;
- Ngày 29/9/2016, nợ số tiền 352.000 đồng;
- Ngày 04/10/2016 (ghi nhầm 2019), nợ số tiền 1.965.000 đồng;
- Ngày 28/10/2016, nợ số tiền 273.000 đồng và số tiền 2.159.000 đồng;
- Ngày 02/11/2016 nợ số tiền 640.000 đồng.

Tổng cộng anh Q còn nợ anh số tiền 7.553.000 đồng.

Anh có đến gặp anh Q yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng anh Q không trả. Tại đơn khởi kiện, anh có yêu cầu chị Phạm Thị M có trách nhiệm cùng anh Q trả nợ, nhưng nay anh không tiếp tục yêu cầu đối với chị M. Anh chỉ yêu cầu một mình anh Q trả cho anh số tiền còn nợ là 7.553.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

*Bị đơn anh Võ Phú Q:* Anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Q vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Còn những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng riêng bị đơn không thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Trung T, buộc anh Võ Phú Q trả cho anh T số tiền mua bán còn nợ là 7.553.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Võ Phú Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn anh Đỗ Trung T rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn chị Phạm Thị M và chị M, anh Q đã không còn là vợ chồng trước khi anh Q có hợp đồng mua bán với anh T nên Tòa án không triệu tập chị M. Do đó Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh T đối với chị M là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Anh Đỗ Trung T là chủ cửa hàng gỗ Hà Phát, anh Võ Phú Q là thợ hàn cửa sắt. Tháng 8-2016, anh Q mua sắt tại cửa hàng của anh T. Hai bên thỏa thuận, anh Q thế chấp cho anh T 01 hộ chiếu của anh để làm tin, 01 tuần sau khi nhận hàng sẽ trả tiền và giao lại hóa đơn gốc cho người mua. Thời gian đầu mua bán, hai bên đã thực hiện đúng cam kết, nhưng từ tháng 9-2016 anh Q không trả tiền mua sắt đúng hạn như đã thỏa thuận và hiện còn nợ lại 7.553.000 đồng. Anh T yêu cầu anh Q trả số tiền nêu trên cho anh.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Anh T đã cung cấp được chứng cứ

chứng minh cho yêu cầu của mình mà cụ thể là 06 hóa đơn mua bán ngày 17/9/2016, ngày 29/9/2016, ngày 04/10/2016, ngày 28/10/2016, ngày 02/11/2016 tổng cộng số tiền 7.553.000 đồng. Còn anh Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh Q vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy có đủ cơ sở xác định anh có nợ tiền của anh T, anh đã biết việc anh T khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền nêu trên nhưng anh cố tình vắng mặt nhằm né tránh thực hiện nghĩa vụ đối với anh T. Đồng thời qua thu thập chứng cứ lấy lời khai người làm chứng bà Đỗ Thị Chùm Ba (mẹ ruột anh Q) thể hiện, bà cho rằng có nghe anh Q nói có nợ tiền mua sắt của anh T nhưng bà không biết cụ thể số tiền còn nợ là bao nhiêu.

Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh T và đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 428, 438 Bộ luật dân sự năm 2005. Cần buộc anh Q có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền mua bán còn nợ là 7.553.000 đồng.

[5] Đối với tiền lãi suất: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu của anh T nên anh Q phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 428 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 217, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” của anh Đỗ Trung T đối với anh Võ Phú Q.

Buộc anh Võ Phú Q có nghĩa vụ trả cho anh Đỗ Trung T số tiền 7.553.000 đồng.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh T đối với chị Phạm Thị M.

3. Án phí: Anh Võ Phú Q phải chịu 378.000 đồng dân sự sơ thẩm.

Anh T được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm mà anh đã nộp theo biên lai thu số 0012578 ngày 09-10-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GD.

Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Vui**